

Bản án số: 73/2018/HS-ST
Ngày 13- 11- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khuất Thị Luyến

Ông Nguyễn Xuân Chức

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Mơ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 77/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2018/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN T, sinh ngày 10 tháng 7 năm 1988 tại xã L.X, huyện P, Thành phố Hà Nội

Nơi cư trú: Khu tập thể T, phường V, thị xã S, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn D và bà Hà Thị D; Vợ: Nguyễn Thị Ánh T, con: có 01 con sinh năm 2010; Tiền án: Không, Tiền sự: Không; Nhân thân: Hiện đang bị Công an thị xã Sơn Tây khởi tố điều tra về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy và bị Công an thị xã Sơn Tây ra lệnh tạm giam. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người tham gia tố tụng khác:

Bị hại: Công ty cổ phần X

Địa chỉ: Cầu Q, phường T, thị xã S, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Phương M - Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh T – Phó giám đốc. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Anh Lê Đức H**, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Cụm 12, xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội

- **Ông Nguyễn Văn D**, sinh năm 1962 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu tập thể T, phường V, thị xã S, Thành phố Hà Nội;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/4/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Phúc Thọ, Hà Nội tiếp nhận nguồn tin báo về tội phạm do Công an thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội chuyển giải quyết theo thẩm quyền; Nội dung vụ việc như sau:

Ông Lê Minh T là người đại diện cho Công ty cổ phần X (sau đây gọi tắt là Công ty X) tố cáo Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; Trú tại: Khu tập thể T, phường V, thị xã S, Thành phố Hà Nội đã ký hợp đồng thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS, BKS: 30E- 560.26 là tài sản của công ty X, thời gian thuê xe là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích thuê để kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi, giá thuê xe là 630.000đồng/ngày. Nghĩa vụ cam kết hợp đồng là 03 ngày/lần tính từ ngày thuê xe, T phải mang xe ô tô về văn phòng công ty X để kiểm tra các thiết bị an toàn của xe và nộp tiền thuê xe. Nhưng sau khi nhận xe ô tô, Nguyễn Văn T đã không thực hiện theo cam kết hợp đồng mà mang xe ô tô cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân.

Quá trình điều tra xác định: Ngày 10/3/2018, Nguyễn Văn T đến văn phòng công ty X, chi nhánh tại Cụm 1, xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội ký hợp đồng số 122/2018/HĐTX, thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS, BKS: 30E- 560.26 số khung RL4B29F3XG5000126, số máy: 2NR-X040104, thời gian thuê xe là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích thuê để kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi, giá thuê xe là 630.000đồng/ngày. Tiền đặt cọc là 10.000.000đồng (nhưng do trước đây T thuê xe và nộp tiền đặt cọc, nên lần ký hợp đồng này tiền đặt cọc được bảo lưu chuyển sang hợp đồng này). Theo hợp đồng đã ký, thì Công ty X không cho phép T tự ý mang xe ra ngoài sửa chữa, bảo dưỡng; Nghiêm cấm các hành vi cho mượn, cho thuê lại, cầm cố, ký gửi, thế chấp xe ô tô của công ty. Theo cam kết thì 03 ngày/lần tính từ ngày thuê xe, giao nhận xe, T phải mang xe về văn phòng công ty X để nộp tiền thuê xe và kiểm tra các thiết bị an toàn của xe.

Sau khi ký hợp đồng và ký cam kết xong, đại diện Công ty X đã bàn giao chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS, BKS: 30E- 560.26 số khung RL4B29F3XG5000126, số máy: 2NR-X040104 cho Nguyễn Văn T tại văn phòng công ty X, chi nhánh tại Cụm 1, xã T, huyện P. Chiếc xe giao nhận có đặc điểm: Phía bên ngoài trên nóc xe có gắn đèn mào của hãng S TAXI (tên thương hiệu của Công ty X), mặt ngoài hai bên cửa trước xe có dán decan tên thương

hiệu công ty và số điện thoại liên lạc của hãng taxi S, mặt ngoài hai bên cửa sau xe có dán decan niêm yết bảng giá cước xe taxi, trên mặt taplo phía trước bên trong xe bên phụ có gắn đồng hồ tính cước xe taxi và máy in hóa đơn cước taxi, phía dưới hộc đồ phía trước bên phụ có gắn bộ định vị để quản lý xe taxi, phía dưới ghế ngồi của lái xe có gắn bộ đàm liên lạc giữa Công ty X với lái xe, mã bộ đàm là 996.

Sau khi nhận xe, T mang xe đến gara ô tô Xuân Th trên đường L, thị xã S (chủ gara ô tô là anh Nguyễn Xuân Th) để tháo bỏ đèn mào xe, đồng hồ tính cước, máy in hóa đơn cước xe taxi và bóc decan dán bên ngoài xe ô tô, tháo bỏ bộ đàm liên lạc rồi mang đến cầm cố cho Lê Đức H, sinh năm 1988, trú tại: Cụm 12, xã T, huyện P được số tiền 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu đồng*); Số tiền này, T đã tiêu sài cá nhân hết.

Sau khi nhận cầm cố, Lê Đức H đã mang chiếc xe ô tô xuống gửi tại salon ô tô Số 68, đường P, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội. Quá trình giải quyết tin báo, Công an thị xã Sơn Tây đã thu giữ tang vật và bàn giao cho Công an huyện Phúc Thọ giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 23/5/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phúc Thọ đã tiến hành định giá chiếc xe ô tô trên và xác định giá trị tài sản là 455.000.000đồng (*Bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng*).

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T khai nhận: Sau khi thuê xe ô tô của Công ty X, do không có tiền để nộp về công ty, mà T lại đang nợ nần nhiều và cần tiền chi tiêu cá nhân nên T đã nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe ô tô TOYOTA VIOS, BKS: 30E- 560.26. Ngày 18/3/2018, T gọi điện cho Lê Đức H đề nghị cầm cố chiếc xe ô tô lấy số tiền 25.000.000đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*), H đồng ý, hẹn T đến nhà H. Tối ngày 18/3/2018, T điều khiển chiếc xe ô tô nói trên cùng Du Đình B, sinh năm 1972, HKTT: Phường L, thị xã S, Hà Nội đến nhà H để cầm cố xe ô tô. Do đang sửa nhà nên H đưa T và B sang quán nước nhà bà Nguyễn Thị H1 là hàng xóm để thỏa thuận giao dịch việc cầm cố xe ô tô. T viết giấy cầm cố, H thực hiện giao tiền cho T qua việc chuyển khoản trên điện thoại vào tài khoản ngân hàng, với số tiền 25.000.000đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*). Đến ngày 19/3/2018, T gọi điện cho H hỏi vay số tiền 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*), H đồng ý. T cùng B đến nhà H lấy tiền. Đến ngày 21/3/2018, T tiếp tục gọi điện hỏi vay số Tiền 15.000.000đồng (*Mười lăm triệu đồng*), H đồng ý. T và B lại đến nhà H lấy tiền. Lần này, H viết giấy vay tiền với nội dung T vay tiền và cầm cố chiếc xe ô tô BKS:30E-560.26 tổng số tiền là 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu đồng*). Số tiền này, T đã chi tiêu cá nhân hết.

** Tang vật trong vụ án:* Chiếc xe ô tô TOYOTA VIOS, BKS: 30E-560.26 được công an thị xã Sơn Tây bàn giao cho cơ quan CSĐT – CA huyện Phúc Thọ giải quyết. Quá trình xác minh xác định: nguồn gốc chiếc xe ô tô trên là tài sản

của Chi nhánh công ty TNHH Th tại Hà Nội (địa chỉ: 6BT2,KĐT R, phường C, quận B, Hà Nội là chủ xe; Địa chỉ trụ sở chính: Xóm N, Xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc). Ngày 01/7/2017, Công ty Th hợp đồng cho Công ty X thuê để làm xe taxi chở khách. Ngày 10/3/2018, Công ty X hợp đồng giao xe cho Nguyễn Văn T thuê để T hành nghề lái xe taxi. Đại diện Công ty Th trình bày: do chiếc xe trên Chi nhánh công ty Th tại Hà Nội hợp đồng cho Công ty X thuê để kinh doanh xe taxi chở khách, hiện nay thời gian trong hợp đồng thuê xe vẫn còn hiệu lực. Do vậy Công ty X sẽ chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng và làm việc với cơ quan Công an về chiếc xe trên, Công ty Th đề nghị cơ quan công an trả lại chiếc xe trên cho Công ty X.

Ngày 11/7/2018, cơ quan CSĐT - Công an huyện Phúc Thọ đã trao trả chiếc xe ô tô TOYOTA VIOS, BKS: 30E-560.26 cho Công ty X theo quy định của pháp luật.

* *Về vấn đề dân sự:* Quá trình điều tra, ông Nguyễn Văn D (bố đẻ T) đã tự nguyện bồi thường thay cho T số tiền là 21.858.000đồng (*Hai mươi một triệu tám trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

Sau khi nhận lại chiếc xe ô tô, Công ty X còn đề nghị Nguyễn Văn T phải bồi thường thiệt do chiếc xe ô tô bị tạm giữ 115 ngày (từ ngày 19/3/2018 đến ngày 11/7/2018) với số tiền là 570.000 đồng/ngày (*theo hợp đồng thuê xe ngày 10/3/2018 là 630.000đồng/ngày, nhưng thực tế T được hỗ trợ giá nên còn 570.000 đồng/ngày*) là 65.550.000đồng, bồi thường các chi phí khác bao gồm chi phí cho việc tìm kiếm xe và giải quyết là 10.950.000đồng, tiền phạt do vi phạm hợp đồng là 15.000.000đồng, tiền một bình xăng ban đầu công ty đổ vào xe khi giao xe là 900.000đồng. Công ty khấu trừ số tiền mà gia đình T đã nộp khắc phục thiệt hại là 21.858.000đồng và tiền đặt cọc tại công ty 10.000.000đồng. Do đó, số tiền còn lại, công ty yêu cầu T phải bồi thường là 60.542.000đồng (*Sáu mươi triệu năm trăm bốn hai nghìn đồng*).

Tại bản Cáo trạng số 77/CT-VKS ngày 05/10/2018, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ đã truy tố Nguyễn Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị hại có đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và giữ nguyên yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 05 năm đến 06 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của Công ty X: Yêu cầu bồi thường theo hợp đồng tiền thuê xe 570.000đ/ngày x 115 ngày và chi phí tìm kiếm xe là có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận. Đối với yêu cầu phạt vi phạm và số tiền đồ 01 bình xăng khi giao xe là không có căn cứ nên đề nghị không chấp nhận. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng điều 48 BLHS, buộc bị cáo phải bồi thường cho Công ty X số tiền 44.642.000đ và buộc bị cáo trả lại anh Lê Đức H số tiền 50.000.000đ.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ. Do vậy có đủ cơ sở để khẳng định:

[1] Ngày 10/3/2018, Nguyễn Văn T và Công ty X ký hợp đồng thuê xe ô tô để kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi. Theo hợp đồng số 122/2018/HĐTX, Nguyễn Văn T đã thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS, BKS: 30E- 560.26 số khung RL4B29F3XG5000126, số máy: 2NR-X040104, thời gian thuê xe là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích thuê để kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi, giá thuê xe là 630.000đồng/ngày, tiền đặt cọc là 10.000.000đồng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký thì: Công ty X không cho phép T tự ý mang xe ra ngoài sửa chữa, bảo dưỡng; Nghiêm cấm các hành vi cho mượn, cho thuê lại, cầm cố, ký gửi, thế chấp xe ô tô của công ty, 03 ngày/lần tính từ ngày thuê xe, giao nhận xe, T phải mang xe về văn phòng Công ty X để nộp tiền thuê xe và kiểm tra các thiết bị an toàn của xe. Đại diện Công ty X đã bàn giao chiếc xe ô tô nói trên cho Nguyễn Văn T tại văn phòng Công ty X, chi nhánh tại Cụm 1, xã T, huyện P.

Sau khi nhận xe, Nguyễn Văn T đã không thực hiện theo cam kết đã thỏa thuận, mà tự ý mang xe đến gara ô tô của anh Nguyễn Xuân Th tháo bỏ đèn mào xe, đồng hồ tính cước, máy in hóa đơn cước xe taxi và bóc decan dán bên ngoài xe ô tô, tháo bỏ bộ đàm liên lạc. Đến ngày 18/3/2018, Nguyễn Văn T mang xe ô tô đến cầm cố cho Lê Đức H được số tiền 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu đồng*); Số tiền này, T đã tiêu sài cá nhân hết.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Do vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ truy tố T về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương nên cần có biện pháp xử lý nghiêm khắc để răn đe bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 21.858.000đồng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị hại đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

* Đối với Du Đình B có đi cùng Nguyễn Văn T đến nhà Lê Đức H để giao dịch việc cầm cố xe ô tô, nhưng B không có hành vi tham gia gì, trước đó không có thỏa thuận trao đổi gì, không được hưởng lợi gì từ việc cầm cố xe ô tô. Do vậy, cơ quan điều tra không đề cập xử lý gì là đúng pháp luật.

* Đối với Lê Đức H là người đã nhận cầm cố xe ô tô, trước khi nhận cầm cố xe, T không nói cho H biết nguồn gốc xe ô tô, H hoàn toàn không biết đó là xe ô tô của Công ty X. Do cả nể quan hệ tình cảm giữa H và T là bạn học cùng phổ thông và xe ô tô đã tháo hết các trang bị thiết bị gắn cho xe taxi như đèn mào xe, đồng hồ tính cước, máy in hóa đơn cước xe taxi, tháo bỏ bộ đàm liên lạc và bóc decan dán bên ngoài xe ô tô, nhìn bên ngoài giống xe của gia đình, nên H đồng ý nhận cầm cố xe ô tô cho T. Vì gia đình chật, bảo quản không an toàn, nên sau khi nhận cầm cố xe, H đã mang chiếc xe ô tô đến gửi tại salon ô tô tại Số 68, đường P, phường M, quận N, TP. Hà Nội. Quá trình điều tra, không có tài liệu để chứng minh hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có đối với Lê Đức H, nên cơ quan điều tra chỉ giáo dục nhắc nhở, không đề cập xử lý gì trong vụ án này là phù hợp.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Cần buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho Công ty X và buộc trả lại cho anh Lê Đức H số tiền cầm cố xe chưa trả là 50.000.000đ.

Cụ thể: Xét yêu cầu bồi thường của Công ty X:

- Số tiền phải nộp theo thỏa thuận tại hợp đồng là 570.000đ/ngày, số ngày

là 115 ngày (tính từ ngày 19/3/2018 là ngày T vi phạm nghĩa vụ nộp tiền đến ngày 11/7/2018 là ngày cơ quan điều tra trả lại xe cho Công ty): 570.000đ x 115 = 65.550.000đ, được trừ số tiền đã đặt cọc 10.000.000đ, trừ số tiền ông D đã nộp là 21.858.000đ.

- Tiền xăng đã đổ vào xe trước khi giao xe cho T: 900.000đ;
- Tiền chi phí do Công ty thuê người đi tìm xe: 10.950.000đ;
- Tiền phạt vi phạm: 15.000.000đ;

Tổng yêu cầu bồi thường là 60.542.000đ

HĐXX thấy rằng: Đối với khoản tiền đổ xăng là nghĩa vụ của bên giao xe; đối với khoản tiền thuê người tìm kiếm xe thì bị hại không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng 15.000.000đ thì tại phiên tòa, bị hại có giao nộp một bản cam kết do T ký có nội dung nêu mức phạt cụ thể đối với nhiều lỗi khác nhau, song bản cam kết này không ghi ngày, tháng, năm và chỉ là một bản cam kết mang tính chất đơn phương, không dựa trên một cơ sở pháp lý nào, trong hợp đồng giữa các bên cũng không có thỏa thuận phạt vi phạm nên HĐXX không chấp nhận.

Như vậy, yêu cầu bồi thường của bị hại được chấp nhận là: 33.692.000đ

[4] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều đảm bảo đúng pháp luật.

[5] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (*sáu*) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho Công ty cổ phần X số tiền là: 33.692.000đ (*Ba mươi ba triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng*), buộc bị cáo T trả lại cho anh Lê Đức H số tiền là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*)

Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: Bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 4.430.000đ (*Bốn triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng*) án phí dân sự.

Căn cứ Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán. Mức lãi suất do các bên tự thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm. Nếu các bên không thỏa thuận được thì mức lãi suất chậm trả áp dụng là 20%/năm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phúc Thọ;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- TANDTP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- CQĐT CA huyện Phúc Thọ;
- Chi cục THADS huyện Phúc Thọ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Minh Loan